

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày 19-4-2021.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Toàn.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Huỳnh Văn Lơ.

2. Ông Bùi Chí Tâm.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa:*** Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-DS ngày 25/3/2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 C, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

\* Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

\* Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị L, Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Công ty M.

\* Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng gồm:

1. Ông **Bùi Quang T** (vắng mặt)

2. Bà **Phạm Thị Vỹ L** (vắng mặt)

3. Ông **Phạm Văn T** (vắng mặt)

4. Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1986 (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng 3, tòa nhà V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị G**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1960 (có mặt).

2. Bà **Phạm Thị T** (vắng mặt)

3. Anh **Huỳnh Thanh Đ** (vắng mặt)

4. Chị **Võ Thị Q** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2020 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12/02/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Lê Thị G có thỏa thuận ký với nhau hợp đồng tín dụng số 18.18.670.3804807.TD. Theo hợp đồng tín dụng thì bà Lê Thị G vay của Ngân hàng số tiền là 200.000.000 đồng, mục đích là để thanh toán một phần chi phí mua sắm đồ dùng sinh hoạt gia đình, thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 13/02/2018 đến ngày 13/02/2025, lãi suất cho vay là 11.6%/năm (lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn). Hai bên thỏa thuận trả nợ gốc và lãi theo kỳ, mỗi kỳ 03 tháng trả một lần với số tiền mỗi kỳ là 7.142.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán là 7.166.000 đồng, trả vào ngày 15 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 17.18.670.3804807.BĐ ngày 12/02/2018 là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 527, diện tích 8374,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 371676, do UBND thị xã N cấp ngày 03/10/2017 cho bà Lê Thị G đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà Lê Thị G chỉ trả Ngân hàng được 03 kỳ với tổng số tiền là 32.997.931 đồng trong đó nợ gốc là 21.284.023 đồng và tiền lãi là 11.713.908 đồng. Đến ngày 15/11/2018 thì bà G ngưng trả đến nay mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu nhưng phía bà G vẫn không thanh toán. Hiện bà G còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 19/4/2021 với tổng số tiền là 249.118.657 đồng trong đó tiền nợ gốc là 178.715.977 đồng, lãi trong hạn 2.406.792 đồng, lãi quá hạn 67.995.888 đồng. Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2020 thì Ngân hàng yêu cầu bà G trả với tổng số tiền là 349.671.501 đồng, trong đó nợ gốc là 322.379.939 đồng và tiền lãi là 27.291.562 đồng. Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 100.552.844 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bà Lê Thị G trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 249.118.657 đồng trong đó tiền nợ gốc là 178.715.977 đồng, lãi trong hạn 2.406.792 đồng, lãi quá hạn **67.995.888 đồng** và yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày

20/4/2021 cho đến khi bà G trả xong nợ, lãi suất theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp bà Lê Thị G không thanh toán thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ. So với yêu cầu khởi kiện thì Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu đối với số tiền là 100.552.844 đồng, lý do tính nhầm khi làm đơn khởi kiện.

- Bị đơn Lê Thị G vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên phía bà Lê Thị G vẫn cố tình vắng mặt cũng như không có biên bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C trình bày:* Đối với thửa đất hiện bà G thế chấp Ngân hàng, thì vào ngày 26/7/2015 bà G đã chuyển nhượng cho ông là 03 công tằm cấy, giá chuyển nhượng tổng cộng là 174.000.000 đồng, khi chuyển nhượng có làm giấy tay. Đến năm 2016 thì bà G chuyển nhượng tiếp cho ông thêm 01 công nữa, tổng số tiền chuyển nhượng của 04 công là 240.000.000 đồng. Sau đó, bà G cố cho ông thêm 02 công nữa với số tiền là 40.000.000 đồng. Lúc chuyển nhượng thì phía bà G chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên chỉ làm giấy tay. Đến thời điểm hiện tại thì ông cũng chưa làm thủ tục để tách quyền sử dụng đất. Lý do, sau khi bà G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có giao cho ông nhưng sau đó bà G hỏi mượn lại, việc bà G đem thế chấp cho Ngân hàng ông hoàn toàn không hay biết gì. Hiện phần đất này ông canh tác cùng với vợ Phạm Thị T, và con của ông Huỳnh Thanh Đ, Võ Thị Q. Nay ông yêu cầu xem xét công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông.

*Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị G trả tiền vốn vay còn nợ, mục đích vay để thanh toán một phần chi phí mua sắm đồ dùng sinh hoạt gia đình, đồng thời bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án dân sự “tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông Bùi Quang T, bà Phạm Thị Vỹ L, ông Phạm Văn T; bị đơn bà Lê Thị G, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Võ Thị Q. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bị đơn trả số tiền là 100.552.844 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

*- Về nội dung:*

[4] Qua xem xét hợp đồng tín dụng số 18.18.670.3804807.TD, ngày 12/02/2018, thể hiện bị đơn bà Lê Thị G có vay của Ngân hàng TMCP Q chi nhánh Sóc Trăng số tiền 200.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận: thời hạn vay 84 tháng (từ ngày 14/02/2018 đến ngày 13/02/2025), mục đích vay: Thanh toán một lần chi phí mua sắm đồ dùng sinh hoạt gia đình, lãi suất cho vay có điều chỉnh là 11.6%/năm (**lãi suất nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn**), hai bên thỏa thuận trả nợ gốc và lãi theo từng kỳ, tổng cộng là 28 kỳ, mỗi kỳ là 03 tháng trả một lần, trả vào ngày 15 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ trả nợ gốc, mỗi kỳ tổng gốc và lãi phải trả là 7.142.000 đồng, kỳ cuối trả là 7.166.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà G đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn 21.284.023 đồng và tiền lãi là 11.713.908 đồng. Kể từ ngày 15/8/2018 đến nay phía bà G không có trả lãi cho Ngân hàng cũng như hoàn trả tiền vốn còn lại. Nay Ngân hàng yêu cầu bà G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng **tổng số tiền là 249.118.657 đồng trong đó tiền nợ gốc là 178.715.977 đồng, lãi trong hạn là 2.406.792 đồng, lãi quá hạn là 67.995.888 đồng** và tiền lãi phát sinh cho đến khi bà G thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[5] Xét thấy, bà G đã nhận toàn bộ số tiền vốn vay 200.000.000 đồng theo đồng tín dụng số 18.18.670.3804807.TD, ngày 12/02/2018. Tuy nhiên, Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà G đã vi phạm theo như thỏa thuận hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký cụ thể: là bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ các kỳ tiếp theo và vắng mặt địa phương nhưng không cung cấp địa chỉ nơi đến cho Ngân hàng là vi phạm theo quy định tại điểm b, c, tiểu mục 8.4.2.1, mục 8.4, Điều 8 của hợp đồng tín mà các bên đã thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị G thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 19/4/2021 là 249.118.657 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 178.715.977 đồng, lãi trong hạn là 2.406.792 đồng, lãi quá hạn là 67.995.888 đồng **và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ là có căn cứ phù hợp** với quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhận thấy: Giữa Ngân hàng với bị đơn bà G có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17.18.670.3804807.BĐ ngày 12/02/2018 tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số

527, diện tích 8374,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 371676, do UBND thị xã N cấp ngày 03/10/2017 cho bà Lê Thị G đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, hợp đồng được công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp. Do đó, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Phần đất thế chấp số 527, diện tích 8374,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng hiện do gia đình của ông Huỳnh Văn C đang quản lý, sử dụng. Lý do, theo ông C là phần đất này bị đơn đã chuyển nhượng cho gia đình ông 04 công tằm cây và cầm cố 02 công tằm cây với tổng số tiền là 280.000.000 đồng, nay ông yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông với bà G. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý vụ án đến khi Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải thì phía ông C không có đơn yêu cầu độc lập. Do đó, đối với yêu cầu của ông C HĐXX không đặt ra xem xét. Trường hợp, sau này ông C có yêu cầu thì sẽ khởi kiện và giải quyết thành vụ án khác. Đối với phần đất thế chấp trường hợp Ngân hàng có yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự phát mãi tài sản để Ngân hàng thu hồi nợ thì buộc ông C, bà T, anh Đ và chị Q giao lại phần đất này cho bà G.

[8] Từ những phân tích nêu trên xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên HĐXX chấp nhận.

[9] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng cộng số tiền là 700.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước số tiền này để làm thủ tục tố tụng, do vậy bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 299, khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

### ***Tuyên xử:***

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q**

Buộc bị đơn bà Lê Thị G có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tổng cộng là 249.118.657 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm mười tám nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 178.715.977 đồng và tiền lãi tính đến ngày 19/4/2021 là 70.402.608 đồng.

Kể từ ngày 20/4/2021 cho đến khi bà Lê Thị G thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, thì hàng tháng bà G còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 18.18.670.3804807.TD, ngày 12/02/2018.

Trường hợp ông Lê Thị G không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm xử lý tài sản tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17.18.670.3804807.BĐ ngày 12/02/2018 tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 527, diện tích 8374,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 371676, do UBND thị xã N cấp ngày 03/10/2017 cho bà Lê Thị G đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp thì ông Huỳnh Văn C, bà Phạm Thị T, anh Huỳnh Thanh Đ, chị Võ Thị Q có nghĩa vụ giao trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất số 527, diện tích 8374,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 371676, UBND thị xã N cấp ngày 03/10/2017 do bà Lê Thị G đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn bà Lê Thị G.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền là 100.552.844 đồng (*Một trăm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng*).

3/ Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng cộng 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) bị đơn Lê Thị G chịu. Do nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã nộp tạm ứng trước số tiền này để làm thủ tục tố tụng, do vậy phía bị đơn bà G có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền là 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*).

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Lê Thị G chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 12.455.933 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi ba đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.740.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003490 ngày 08/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

**Nguyễn Phước Toàn**